

Mỏ Cày Nam, ngày 05 tháng 9 năm 2017

Số: 75/2017/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017;

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Văn Th, sinh năm 1965
Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.
- Bị đơn: Phạm Văn N, sinh năm 1970
Nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị X, sinh năm 1968
Nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Phạm Văn N và chị Trần Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Văn Th số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi tổng cộng là 677.980.000 (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng. Thời hạn trả cụ thể như sau:

- Tháng 10 năm 2017 trả 340.000.000 (Ba trăm bốn mươi triệu) đồng.
- 06 tháng đầu năm 2018 trả 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.
- 06 tháng cuối năm 2018 trả 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.
- 06 tháng đầu năm 2019 trả 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.
- 06 tháng cuối năm 2019 trả 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.
- 06 tháng đầu năm 2020 trả 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.

- 06 tháng cuối năm 2020 trả 62.980.000 (Sáu mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Anh N và chị X có nghĩa vụ liên đới chịu 7.780.000 (Bảy triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Anh Th có nghĩa vụ chịu 7.780.000 (Bảy triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007980 ngày 12/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

- Hoàn trả cho Anh Th số tiền tạm ứng án phí còn lại là 7.779.600 (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007980 ngày 12/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM
Thẩm phán

(đã ký)

Nguyễn Hồng Dân